

UBND
TRƯỜNG THCS CHU VĂN AN

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

NĂM HỌC: 2025 - 2026

MÔN: TOÁN 6

Thời gian: 90 phút

(Không kể thời gian phát đề)

ĐỀ CHÍNH THỨC

ĐỀ BÀI.

(Đề kiểm tra có 02 trang, gồm 21 câu)

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm).

Hãy khoanh tròn chữ cái đứng trước câu trả lời đúng:

Câu 1. Cho tam giác đều ABC, biết $AB = 3\text{cm}$. Khi đó AC có độ dài là:

- A. 5cm B. 4cm C. 3cm D. 2cm

Câu 2. Trong hình vuông có:

- A. Bốn góc bằng nhau và bằng 90° . B. Hai đường chéo bằng nhau
C. Bốn cạnh bằng nhau D. Cả A, B, C đúng

Câu 3. Tập hợp các chữ cái có trong cụm từ “QUẢNG NGÃI” là:

- A. {QUANG;NGAI} B. {Q;U;A;N;G;N;G;A;I}
C. {Q;U;A;N;G;A;I} D. {Q;U;A;N;G;I}

Câu 4. Số nào dưới đây là hợp số?

- A. 19 B. 15 C. 11 D. 7

Câu 5. Số nào sau đây là bội của 9?

- A. 504 B. 690 C. 809 D. 509

Câu 6. Tìm cách viết đúng trong các cách viết sau?

- A. $\frac{2}{3} \in N$ B. $0 \in N^*$ C. $0 \notin N$ D. $0 \in N$

Câu 7. Cho tổng $12 + 36 + x$ chia hết cho 3, x là số nào trong các số sau?

- A. 52 B. 61 C. 72 D. 80

Câu 8. Trong các số sau, số nào chia hết cho cả 2; 3; 5?

- A. 40 B. 126 C. 45 D. 120

Câu 9. Số La Mã XVIII có giá trị là:

- A. 14 B. 16 C. 18 D. 26

Câu 10. Cho hình thoi ABCD có hai đường chéo là AC và BD. Công thức tính diện tích S hình thoi ABCD là:

- A. $S = AC \cdot BD$ B. $S = \frac{AC \cdot BD}{2}$ C. $S = 4 \cdot AC \cdot BD$ D. $S = 2 \cdot AC \cdot BD$

Câu 11. Đối với biểu thức không có ngoặc và chỉ có các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia, lũy thừa, thì thứ tự thực hiện phép tính đúng là

- A. Nhân và chia $\rightarrow$ Lũy thừa $\rightarrow$ Cộng và trừ.
B. Lũy thừa $\rightarrow$ Nhân và chia $\rightarrow$ Cộng và trừ.
C. Cộng và trừ $\rightarrow$ Nhân và chia $\rightarrow$ Lũy thừa.
D. Lũy thừa $\rightarrow$ Cộng và trừ $\rightarrow$ Nhân và chia.

Câu 12. Hình bình hành không có tính chất nào sau đây?

- A. Hai cạnh đối song song với nhau.
B. Hai cạnh đối bằng nhau.
C. Bốn cạnh bằng nhau.
D. Hai đường chéo cắt nhau tại trung điểm mỗi đường.

Câu 13. Cho số 13 254 ta có:

- A. Giá trị của chữ số 2 bằng nửa giá trị của chữ số 4
B. Giá trị của chữ số 2 bằng 5 lần giá trị của chữ số 4

- C. Giá trị của chữ số 2 bằng 50 lần giá trị của chữ số 4
D. Giá trị của chữ số 2 bằng 500 lần giá trị của chữ số 4

Câu 14. Trong các số dưới đây, số nào là số nguyên tố?

- A. 7 B. 9 C. 12 D. 15

Câu 15. Tập hợp các Ư(9) bằng:

- A. {1;3;9} B. {0;1;3;9} C. {1;9} D. {3;9}

Câu 16. Số $159 : 3$ khi đó:

- A. 3 là bội của 159 B. 159 là ước của 3
C. 159 là bội của 3 D. 3 là thương của 159

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Câu 17. (1,5 điểm)

- a) Viết tập hợp A các số tự nhiên lớn hơn 5 và nhỏ hơn 12 bằng cách liệt kê các phần tử.
b) Viết số 23 601 thành tổng giá trị các chữ số của nó.
c) Viết các số 16 và 27 bằng số La Mã

Câu 18. (1,0 điểm) Thực hiện phép tính :

- a) $67 + 135 + 33$ b) $3^2 \cdot [(5^2 - 3) : 11] - 17$.

Câu 19. (1,0 điểm) Tìm số tự nhiên x , biết:

- $25 - x = 15$ b) $9 + 2 \cdot x = 3^7 : 3^4$

Câu 20. (1,5 điểm)

- a) Vẽ hình chữ nhật có một cạnh dài 6 cm, một cạnh dài 4 cm.
b) Một mảnh ruộng hình thang có độ dài hai đáy là 25m và 35m, độ dài chiều cao là 12m. Biết năng suất lúa là $0,6\text{kg/m}^2$. Hỏi mảnh ruộng cho sản lượng là bao nhiêu kg thóc?

Câu 21. (1,0 điểm)

Cho $A = 1 + 2 + 2^2 + 2^3 + \dots + 2^{11}$ Không tính tổng A, hãy chứng tỏ A chia hết cho 3.

-----Hết-----

UBND
TRƯỜNG THCS CHU VĂN AN
ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM
ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
NĂM HỌC: 2025 - 2026
MÔN: TOÁN
ĐỀ CHÍNH THỨC
Thời gian: 90 phút (Không kể thời gian phát đề)
I. Trắc nghiệm(4,0điểm): Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm

*** ĐỀ CHÍNH THỨC**

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	C	D	D	B	A	D	C	D
Câu	9	10	11	12	13	14	15	16
Đáp án	C	B	B	C	C	A	A	C

*** MÃ ĐỀ 601**

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	B	C	A	B	D	A	D	C
Câu	9	10	11	12	13	14	15	16
Đáp án	B	C	A	D	C	B	C	A

*** MÃ ĐỀ 602**

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	D	A	C	B	A	C	A	B
Câu	9	10	11	12	13	14	15	16
Đáp án	B	D	D	C	B	A	D	C

*** MÃ ĐỀ 603**

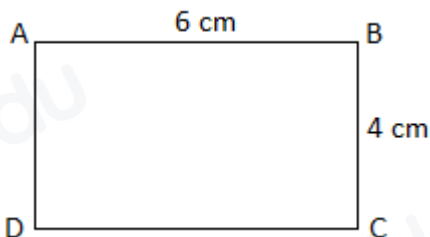
Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	B	A	D	A	C	D	B	A
Câu	9	10	11	12	13	14	15	16
Đáp án	C	D	A	B	C	A	D	B

*** MÃ ĐỀ 604**

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	D	C	B	A	C	D	B	C
Câu	9	10	11	12	13	14	15	16
Đáp án	A	D	A	B	B	D	A	C

II. Tự luận (6,0 điểm)

Câu	Ý	Nội dung	Điểm
17 (1,5đ)	a	$A = \{6;7;8;9;10;11\}$	0,5
	b	$23\ 601 = (2 \times 10\ 000) + (3 \times 1000) + (6 \times 100) + 1$	0,5
	c	Số 16 được viết là XVI Số 27 được viết là XXVII	0,25 0,25
18 (1,0đ)	a	$67 + 135 + 33 = (67 + 33) + 135$ $= 100 + 135 = 235$	0,25 0,25
	b	$3^2 \cdot [(5^2 - 3) : 11] - 17 = 9 \cdot [(25 - 3) : 11] - 17$ $= 9 \cdot [22 : 11] - 17$ $= 9 \cdot 2 - 17 = 18 - 17 = 1$	0,25 0,25

19 (1,0đ)	a	$a) 25 - x = 15$ $x = 25 - 15$ $x = 10$	0,25 0,25
	b	$9 + 2.x = 3^7 : 3^4$ $9 + 2.x = 3^3 = 27$ $2.x = 27 - 9$ $2.x = 18$ $x = 18 : 2 = 9$	0,25 0,25
20 (1,5đ)	a	Học sinh vẽ hình đúng: được 0,5 điểm 	0,5
	b	Diện tích thửa ruộng là: $(25 + 35) \cdot 12 : 2 = 360 \text{ (m}^2\text{)}$ Sản lượng thóc thu hoạch được là: $360 \cdot 0,6 = 216 \text{ (kg)}$	0,5 0,5
21 (1,0 đ)		Ta có	0,25
		$A = 1 + 2 + 2^2 + 2^3 + \dots + 2^{11}$ (12 số hạng)	
		$A = (1 + 2) + (2^2 + 2^3) + \dots + (2^{10} + 2^{11})$ (6 nhóm)	0,25
		$A = 3 + 2^2(1 + 2) + \dots + 2^{10}(1 + 2)$	
		$A = 3 + 2^2 \cdot 3 + \dots + 2^{10} \cdot 3$	0,25
		$A = 3 \cdot (1 + 2^2 + \dots + 2^{10})$	
		Vì 3:3	
		Vậy A:3	0,25

***Ghi chú: HS làm theo cách khác đúng vẫn cho điểm tương ứng từng phần.**